

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 08/2018/NQ-HĐND

Sóc Trăng, ngày 10 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách của các cấp ngân sách thuộc chính quyền địa phương, tỉnh Sóc Trăng giai đoạn ổn định 2017 - 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Thông tư số 300/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung hệ thống mục lục ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 34/TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách của các cấp ngân sách thuộc chính quyền địa phương, tỉnh Sóc Trăng giai đoạn ổn định 2017 - 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách của các cấp ngân sách thuộc chính quyền địa phương, tỉnh Sóc Trăng giai đoạn ổn định 2017 - 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

“y) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật và tiền chậm nộp của các khoản thu nêu trên (nếu có). Trường hợp các khoản thu tiền chậm nộp không được hạch toán riêng theo từng khoản thu thì thực hiện phân chia như sau: Số thu tiền chậm nộp ngân sách của các cá nhân, tổ chức nộp do cấp tỉnh quản lý thì phân chia cho ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%; số thu tiền chậm nộp do đơn vị thuộc cấp Trung ương quản lý nộp ngân sách nhưng ngân sách địa phương được hưởng thì phân chia cho ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%”.

2. Bổ sung Tiết e vào Điểm 1.2 Khoản 1 Điều 1:

“e) Tiền chậm nộp của các khoản thu nêu trên (nếu có)”.

3. Bổ sung Tiết m vào Điểm 1.3 Khoản 1 Điều 1:

“m) Tiền chậm nộp của các khoản thu nêu trên (nếu có)”.

4. Bổ sung Tiết n vào Điểm 1.1 Khoản 1 Điều 2:

“n) Tiền chậm nộp của các khoản thu nêu trên (nếu có). Trường hợp các khoản thu tiền chậm nộp không được hạch toán riêng theo từng khoản thu thì số thu tiền chậm nộp ngân sách của các cá nhân, tổ chức nộp do cấp huyện quản lý thì phân chia cho ngân sách cấp huyện đó hưởng 100%”.

5. Bổ sung Tiết l vào Điểm 1.1 Khoản 1 Điều 3:

“l) Tiền chậm nộp của các khoản thu nêu trên (nếu có). Trường hợp các khoản thu tiền chậm nộp không được hạch toán riêng theo từng khoản thu thì số thu tiền chậm nộp ngân sách của các cá nhân, tổ chức nộp do cấp xã quản lý thì phân chia cho ngân sách cấp xã đó hưởng 100%”.

6. Bổ sung Khoản 9 vào Điều 5:

“9. Tiền chậm nộp của các khoản thu nêu trên (nếu có) thì được phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu đó”.

7. Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 6. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cụ thể giữa ngân sách huyện, thị xã, thành phố với ngân sách xã, phường, thị trấn

STT	Đơn vị	Chi tiết theo các sắc thuế (%)											
		Thuế giá trị gia tăng	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Lệ phí trước bạ	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	Thuế SDD phi nông nghiệp	Thu tiền sử dụng đất	Thu tiền cho thuê đất	Thuế thu nhập cá nhân	Phí, lệ phí	Lệ phí môn bài	Lệ phí trước bạ nhà, đất	Thu khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	Thành phố Sóc Trăng												
1	Phường 1	0	0	0	70	100	0	70	70	100	70	70	100
2	Phường 2	45	0	0	70	100	0	70	70	100	70	70	100
3	Phường 3	45	0	0	70	100	0	70	70	100	70	70	100
4	Phường 4	95	0	0	70	100	0	70	90	100	70	70	100

5	Phường 5	100	0	0	70	100	0	70	100	100	100	100	100
6	Phường 6	25	0	0	70	100	0	70	70	100	70	70	100
7	Phường 7	100	0	0	70	100	0	70	100	100	100	100	100
8	Phường 8	100	0	0	70	100	0	70	100	100	100	70	100
9	Phường 9	40	0	0	70	100	0	70	70	100	70	70	100
10	Phường 10	100	0	0	70	100	0	70	100	100	100	100	100
II	Thị xã Vĩnh Châu												
1	Phường 1	50	0	0	70	70	0	70	70	100	100	70	100
2	Phường 2	100	0	0	70	70	0	70	70	100	100	70	100
3	Phường Khánh Hòa	100	0	0	70	70	0	70	70	100	100	70	100
4	Phường Vĩnh Phước	100	0	0	70	70	0	70	70	100	100	70	100
5	Xã Hòa Đông	100	0	0	70	70	100	70	70	100	100	70	100
6	Xã Lạc Hòa	100	0	0	70	70	100	70	70	100	100	70	100
7	Xã Lai Hòa	100	0	0	70	70	100	70	70	100	100	70	100
8	Xã Vĩnh Hải	100	0	0	70	70	100	70	70	100	100	70	100
9	Xã Vĩnh Hiệp	100	0	0	70	70	100	70	70	100	100	70	100
10	Xã Vĩnh Tân	100	0	0	70	70	100	70	70	100	100	70	100
III	Thị xã Ngã Năm												
1	Phường 1	58	0	0	0	0	0	0	70	100	0	0	0
2	Phường 2	100	0	0	0	0	0	0	70	100	0	0	0
3	Phường 3	100	0	0	0	0	0	0	70	100	0	0	0
4	Xã Long Bình	100	0	0	0	0	0	0	70	100	0	0	0
5	Xã Mỹ Bình	100	0	0	0	0	0	0	70	100	0	0	0
6	Xã Mỹ Quới	100	0	0	0	0	0	0	70	100	0	0	0
7	Xã Tân Long	100	0	0	0	0	0	0	70	100	0	0	0
8	Xã Vĩnh Quới	100	0	0	0	0	0	0	70	100	0	0	0
IV	Huyện Châu Thành												
1	Thị trấn Châu Thành	50	0	0	70	70	0	70	70	100	70	70	100
2	Xã An Hiệp	50	0	0	70	70	100	70	70	100	70	70	100
3	Xã An Ninh	100	0	0	70	70	100	70	70	100	70	70	100
4	Xã Hồ Đắc Kiện	100	0	0	70	70	100	70	70	100	70	70	100
5	Xã Phú Tâm	50	0	0	70	70	100	70	70	100	70	70	100
6	Xã Phú Tân	100	0	0	70	70	100	70	70	100	70	70	100
7	Xã Thiện Mỹ	100	0	0	70	70	100	70	70	100	70	70	100

8	Xã Thuận Hòa	100	0	0	70	70	100	70	70	100	70	70	100
V	Huyện Cù Lao Dung												
1	TT Cù Lao Dung	70	0	0	70	70	0	70	70	100	70	70	100
2	Xã An Thạnh 1	70	0	0	70	70	100	70	70	100	70	70	100
3	Xã An Thạnh 2	70	0	0	70	70	100	70	70	100	70	70	100
4	Xã An Thạnh 3	70	0	0	70	70	100	70	70	100	70	70	100
5	Xã An Thạnh Đông	70	0	0	70	70	100	70	70	100	70	70	100
6	Xã An Thạnh Nam	70	0	0	70	70	100	70	70	100	70	70	100
7	Xã An Thạnh Tây	70	0	0	70	70	100	70	70	100	70	70	100
8	Xã Đại Ân 1	70	0	0	70	70	100	70	70	100	70	70	100
VI	Huyện Kế Sách												
1	Thị trấn Kế Sách	100	0	0	70	70	0	70	70	100	70	70	100
2	Thị trấn An Lạc Thôn	100	0	0	70	70	0	70	70	100	70	70	100
3	Xã An Lạc Tây	100	0	0	70	70	100	70	70	100	70	70	100
4	Xã An Mỹ	100	0	0	70	70	100	70	70	100	70	70	100
5	Xã Ba Trinh	100	0	0	70	70	100	70	70	100	70	70	100
6	Xã Đại Hải	100	0	0	70	70	100	70	70	100	70	70	100
7	Xã Kế An	100	0	0	70	70	100	70	70	100	70	70	100
8	Xã Kế Thành	100	0	0	70	70	100	70	70	100	70	70	100
9	Xã Nhơn Mỹ	100	0	0	70	70	100	70	70	100	70	70	100
10	Xã Phong Năm	100	0	0	70	70	100	70	70	100	70	70	100
11	Xã Thới An Hội	100	0	0	70	70	100	70	70	100	70	70	100
12	Xã Trinh Phú	100	0	0	70	70	100	70	70	100	70	70	100
13	Xã Xuân Hoà	100	0	0	70	70	100	70	70	100	70	70	100
VII	Huyện Long Phú												
1	TTTrần Đại Ngãi	40	0	0	70	70	0	70	70	100	70	70	100
2	TTTrần Long Phú	40	0	0	70	70	0	70	70	100	70	70	100
3	Xã Châu Khánh	70	0	0	70	70	100	70	70	100	70	70	100
4	Xã Hậu Thạnh	70	0	0	70	70	100	70	70	100	70	70	100
5	Xã Long Đức	70	0	0	70	70	100	70	70	100	70	70	100

6	Xã Long Phú	70	0	0	70	70	100	70	70	100	70	70	100
7	Xã Phú Hữu	70	0	0	70	70	100	70	70	100	70	70	100
8	Xã Song Phụng	70	0	0	70	70	100	70	70	100	70	70	100
9	Xã Tân Hưng	70	0	0	70	70	100	70	70	100	70	70	100
10	Xã Tân Thạnh	70	0	0	70	70	100	70	70	100	70	70	100
11	Xã Trường Khánh	70	0	0	70	70	100	70	70	100	70	70	100
VII	Huyện Mỹ Tú												
1	TT Huỳnh Hữu Nghĩa	70	0	0	70	70	0	70	70	100	70	70	100
2	Xã Hưng Phú	100	0	0	70	70	100	70	70	100	70	70	100
3	Xã Long Hưng	100	0	0	70	70	100	70	70	100	70	70	100
4	Xã Mỹ Hương	100	0	0	70	70	100	70	70	100	70	70	100
5	Xã Mỹ Phước	100	0	0	70	70	100	70	70	100	70	70	100
6	Xã Mỹ Thuận	100	0	0	70	70	100	70	70	100	70	70	100
7	Xã Mỹ Tú	100	0	0	70	70	100	70	70	100	70	70	100
8	Xã Phú Mỹ	100	0	0	70	70	100	70	70	100	70	70	100
9	Xã Thuận Hưng	100	0	0	70	70	100	70	70	100	70	70	100
IX	Huyện Mỹ Xuyên												
1	Thị trấn Mỹ Xuyên	70	0	0	70	100	0	70	70	100	70	70	100
2	Xã Đại Tâm	100	0	0	70	100	100	70	70	100	70	70	100
3	Xã Gia Hòa 1	100	0	0	70	100	100	70	70	100	70	70	100
4	Xã Gia Hòa 2	100	0	0	70	100	100	70	70	100	70	70	100
5	Xã Hòa Tú 1	100	0	0	70	100	100	70	70	100	70	70	100
6	Xã Hòa Tú 2	100	0	0	70	100	100	70	70	100	70	70	100
7	Xã Ngọc Đông	100	0	0	70	100	100	70	70	100	70	70	100
8	Xã Ngọc Tố	100	0	0	70	100	100	70	70	100	70	70	100
9	Xã Tham Đôn	100	0	0	70	100	100	70	70	100	70	70	100
10	Xã Thạnh Phú	70	0	0	70	100	100	70	70	100	70	70	100
11	Xã Thạnh Quới	100	0	0	70	100	100	70	70	100	70	70	100
X	Huyện Thạnh Trị												
1	Thị trấn Hưng Lợi	100	0	0	70	100	0	70	70	100	70	70	100

2	Thị trấn Phú Lộc	70	0	0	70	100	0	70	70	100	70	70	100
3	Xã Châu Hưng	100	0	0	70	100	100	70	70	100	70	70	100
4	Xã Lâm Kiệt	100	0	0	70	100	100	70	70	100	70	70	100
5	Xã Lâm Tân	100	0	0	70	100	100	70	70	100	70	70	100
6	Xã Thạnh Tân	100	0	0	70	100	100	70	70	100	70	70	100
7	Xã Thạnh Trị	100	0	0	70	100	100	70	70	100	70	70	100
8	Xã Tuân Túc	100	0	0	70	100	100	70	70	100	70	70	100
9	Xã Vĩnh Lợi	100	0	0	70	100	100	70	70	100	70	70	100
10	Xã Vĩnh Thành	100	0	0	70	100	100	70	70	100	70	70	100
XI	Huyện Trần Đề												
1	TT Lịch Hội Thượng	15	0	0	70	100	0	70	70	100	70	70	100
2	Thị trấn Trần Đề	20	0	0	70	100	0	70	70	100	70	70	100
3	Xã Đại Ân 2	70	0	0	70	100	100	70	70	100	70	70	100
4	Xã Lịch Hội Thượng	70	0	0	70	100	100	70	70	100	70	70	100
5	Xã Liêu Tú	70	0	0	70	100	100	70	70	100	70	70	100
6	Xã Tài Văn	70	0	0	70	100	100	70	70	100	70	70	100
7	Xã Thạnh Thới An	100	0	0	70	100	100	70	70	100	70	70	100
8	Xã Thạnh Thới Thuận	100	0	0	70	100	100	70	70	100	70	70	100
9	Xã Trung Bình	70	0	0	70	100	100	70	70	100	70	70	100
10	Xã Viên An	100	0	0	70	100	100	70	70	100	70	70	100
11	Xã Viên Bình	100	0	0	70	100	100	70	70	100	70	70	100

Ghi chú:

- Các khoản thu mà tỷ lệ (%) điều tiết cho ngân sách xã, phường, thị trấn được hưởng chưa đến 100%, chênh lệch còn lại sẽ điều tiết cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố. Trường hợp các huyện, thị xã, thành phố trực tiếp thu (do Chi cục Thuế thu) thì ngân sách huyện, thị xã, thành phố được phân chia 100%.

- Tiền chậm nộp của khoản thu nêu trên (nếu có), được phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) phân chia của các khoản thu đó."

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Bãi bỏ Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi Điều 6 Mục 2 Chương II của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu ngân sách của các cấp ngân sách thuộc chính quyền địa phương, tỉnh Sóc Trăng giai đoạn ổn định 2017 - 2020.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng khóa IX, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu;
- Văn phòng Quốc hội (bộ phận phía Nam);
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch Nước;
- Các Bộ: Tư Pháp; Tài chính;
- TT.TU, UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Sóc Trăng;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Email: phongkiemtravanban2012@gmail.com
- Lưu: VT.



Lâm Văn Mẫn